



**Công ty Cổ phần Nước khoáng
Quảng Ninh**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023**



Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 5700379618

ngày 1 tháng 9 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 13 tháng 12 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thiệu Nam	Chủ tịch
Ông Đàm Sơn	Thành viên
Ông Trần Phương Bắc	Thành viên
Ông Trần Tuấn Cường	Thành viên
Ông Huỳnh Việt Thăng	Thành viên
Ông Dương Mạnh Cường	Thành viên (từ ngày 7 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên (đến ngày 7 tháng 4 năm 2023)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Huỳnh Việt Thăng	Chủ tịch
Ông Dương Mạnh Cường	Thành viên (từ ngày 7 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên (đến ngày 7 tháng 4 năm 2023)

Ban Giám đốc

Ông Đàm Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tổ 3A, Khu 4
Phố Suối Mơ
Phường Bãi Cháy
Thành phố Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Đàm Sơn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Quảng Ninh, ngày 1 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00661-24-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Ninh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2024



Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		241.273.127.993	197.849.832.011
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	53.377.563.144	110.520.439.675
Tiền	111		1.377.563.144	1.020.439.675
Các khoản tương đương tiền	112		52.000.000.000	109.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		118.000.000.000	20.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	118.000.000.000	20.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.268.848.317	58.291.977.373
Phải thu của khách hàng	131	6	54.962.179.092	54.829.379.107
Trả trước cho người bán	132		3.018.302.102	3.007.677.854
Phải thu ngắn hạn khác	136		3.288.367.123	454.920.412
Hàng tồn kho	140	7	8.065.414.393	8.629.229.432
Hàng tồn kho	141		8.094.913.825	8.629.229.432
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(29.499.432)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		561.302.139	408.185.531
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		561.302.139	408.185.531
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 260)	200		36.958.232.141	45.300.344.921
Các khoản phải thu dài hạn	210		812.717.000	962.717.000
Phải thu dài hạn khác	216		812.717.000	962.717.000
Tài sản cố định	220		24.955.056.100	30.395.804.116
Tài sản cố định hữu hình	221	8	19.837.757.990	24.044.804.116
Nguyên giá	222		71.637.778.142	74.664.417.049
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.800.020.152)	(50.619.612.933)
Tài sản cố định vô hình	227	9	5.117.298.110	6.351.000.000
Nguyên giá	228		18.054.278.798	18.686.432.798
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.936.980.688)	(12.335.432.798)
Tài sản dài hạn khác	260		11.190.459.041	13.941.823.805
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	10.381.680.298	13.211.107.975
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	11	808.778.743	730.715.830
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		278.231.360.134	243.150.176.932

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		33.004.675.028	30.521.250.116
Nợ ngắn hạn	310		25.233.426.028	20.785.584.116
Phải trả người bán ngắn hạn	311		12.494.153.377	11.757.604.343
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12	4.469.497.151	3.615.585.079
Chi phí phải trả	315	13	7.989.900.380	5.142.096.146
Phải trả khác	319		121.975.120	112.398.548
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		157.900.000	157.900.000
Nợ dài hạn	330		7.771.249.000	9.735.666.000
Phải trả người bán dài hạn	331		2.771.822.000	4.631.850.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	14	4.999.427.000	5.103.816.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		245.226.685.106	212.628.926.816
Vốn chủ sở hữu	410	15	245.226.685.106	212.628.926.816
Vốn cổ phần	411	16	80.000.000.000	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	16	176.083.000	176.083.000
Cổ phiếu quỹ	415	16	(247.200.000)	(247.200.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		165.297.802.106	132.700.043.816
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		123.124.763.816	92.423.193.488
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		42.173.038.290	40.276.850.328
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		278.231.360.134	243.150.176.932

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phùng Thị Yên
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán Trưởng



Đàm Sơn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

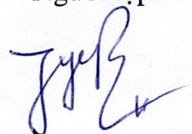
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	245.031.897.835	258.880.316.732
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	16.051.560	-
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		245.015.846.275	258.880.316.732
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	183.877.935.970	193.940.755.188
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		61.137.910.305	64.939.561.544
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	11.911.543.084	3.913.039.323
Chi phí tài chính	22		48.842.500	12.460.000
Chi phí bán hàng	25		4.284.717.220	3.338.031.185
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	16.277.824.063	15.142.935.736
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		52.438.069.606	50.359.173.946
Thu nhập khác	31		359.773.180	477.733.919
Chi phí khác	32		1.255.939	26.396.236
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		358.517.241	451.337.683
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		52.796.586.847	50.810.511.629
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	10.701.611.470	10.339.668.949
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	(78.062.913)	193.992.352
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		42.173.038.290	40.276.850.328
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	5.285	5.048

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phùng Thị Yến
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán Trưởng



Đàm Sơn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	52.796.586.847	50.810.511.629
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	5.422.301.911	6.227.075.673
Các khoản dự phòng	03	(36.229.138)	75.109.000
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.462.500	(9.100.000)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(12.180.418.993)	(4.357.550.110)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	46.006.703.127	52.746.046.192
Biến động các khoản phải thu	09	51.777.961	(26.926.194.300)
Biến động hàng tồn kho	10	495.655.177	2.309.094.496
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	3.054.506.998	2.474.953.211
Biến động chi phí trả trước	12	3.816.049.315	4.302.072.625
		53.424.692.578	34.905.972.224
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.157.779.056)	(9.187.837.265)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	44.266.913.522	25.718.134.959
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(3.149.982.389)	(7.666.405.994)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	354.590.909	487.532.000
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(259.000.000.000)	(74.000.000.000)
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	161.000.000.000	54.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	8.957.803.427	3.707.929.871
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(91.837.588.053)	(23.470.944.123)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

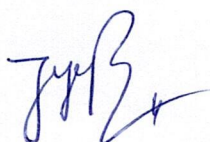
Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi trả cổ tức	36	(9.572.202.000)	(9.574.710.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.572.202.000)	(9.574.710.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(57.142.876.531)	(7.327.519.164)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	110.520.439.675	117.847.958.839
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	53.377.563.144	110.520.439.675

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phùng Thị Yên
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán Trưởng



Đàm Sơn
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đồ uống không cồn và nước khoáng; khai thác, xử lý và cung cấp nước và xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Nhân sự của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 181 nhân viên (1/1/2023: 177 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyên khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền khai thác nước khoáng

Chi phí để có được quyền khai thác nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 18 năm.



Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng là chi phí bồi thường mà Công ty chi trả cho dân cư tại khu vực thuê mặt bằng. Chi phí giải phóng mặt bằng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trong thời gian 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chuyển thành công ty cổ phần).

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(k) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(n) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi từ tiền gửi ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất và kinh doanh đồ uống và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.



Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	1.377.563.144	1.020.439.675
Các khoản tương đương tiền	52.000.000.000	109.500.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	53.377.563.144	110.520.439.675

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	118.000.000.000	20.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Các bên liên quan		
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	54.943.741.944	54.825.739.012
▪ Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	9.420.154	-

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi trong vòng 90 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	6.297.687.005	(16.492.474)	6.015.280.031	-
Công cụ và dụng cụ	1.783.554.187	-	2.613.949.401	-
Thành phẩm	13.672.633	(13.006.958)	-	-
	8.094.913.825	(29.499.432)	8.629.229.432	-

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	-	19.508.606
Dự phòng trích lập trong năm	68.159.862	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(38.660.430)	(19.508.606)
	29.499.432	-

Trong hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 29 triệu VND (1/1/2023: Không) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	32.671.760.054	38.043.141.884	3.878.217.657	71.297.454	74.664.417.049
Tăng trong năm	-	67.450.000	-	-	67.450.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	546.257.895	-	-	546.257.895
Thanh lý	-	(2.762.360.439)	(877.986.363)	-	(3.640.346.802)
Số dư cuối năm	32.671.760.054	35.894.489.340	3.000.231.294	71.297.454	71.637.778.142
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	24.611.488.102	22.617.855.245	3.318.972.132	71.297.454	50.619.612.933
Khấu hao trong năm	1.393.840.061	3.272.567.303	154.346.657	-	4.820.754.021
Thanh lý	-	(2.762.360.439)	(877.986.363)	-	(3.640.346.802)
Số dư cuối năm	26.005.328.163	23.128.062.109	2.595.332.426	71.297.454	51.800.020.152
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	8.060.271.952	15.425.286.639	559.245.525	-	24.044.804.116
Số dư cuối năm	6.666.431.891	12.766.427.231	404.898.868	-	19.837.757.990

Trong tài sản cố định hữu hình của Công ty có các tài sản có nguyên giá là 31.014 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 31.559 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền khai thác nước khoáng VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	17.564.185.000	1.122.247.798	18.686.432.798
Giảm khác	(632.154.000)	-	(632.154.000)
Số dư cuối năm	16.932.031.000	1.122.247.798	18.054.278.798
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	11.213.185.000	1.122.247.798	12.335.432.798
Khấu hao trong năm	601.547.890	-	601.547.890
Số dư cuối năm	11.814.732.890	1.122.247.798	12.936.980.688
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	6.351.000.000	-	6.351.000.000
Số dư cuối năm	5.117.298.110	-	5.117.298.110

Trong tài sản cố định vô hình của Công ty có các tài sản có nguyên giá là 1.293 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 1.293 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.414.378.170	9.403.113.463	1.393.616.342	13.211.107.975
Tăng trong năm	-	-	643.575.357	643.575.357
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.139.738.246	1.139.738.246
Phân bổ trong năm	(224.593.317)	(3.134.371.153)	(1.253.776.810)	(4.612.741.280)
Số dư cuối năm	2.189.784.853	6.268.742.310	1.923.153.135	10.381.680.298

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí phải trả và dự phòng	999.885.400	764.949.664
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Tài sản cố định	(191.106.657)	(34.233.834)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	808.778.743	730.715.830

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ/Hoàn lại VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	328.102.148	22.246.766.980	(9.547.146.289)	(12.646.002.808)	381.720.031
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.026.411.665	10.701.611.470	(9.157.779.056)	-	3.570.244.079
Thuế thu nhập cá nhân	74.720.100	1.767.256.829	(1.361.509.915)	(405.997.011)	74.470.003
Thuế tài nguyên	1.181.884.680	6.673.428.439	(7.416.367.590)	-	438.945.529
Các loại thuế khác	4.466.486	1.402.897.912	(1.403.246.889)	-	4.117.509
	3.615.585.079	42.791.961.630	(28.886.049.739)	(13.051.999.819)	4.469.497.151

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Chi phí phải trả

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Thưởng và lương tháng 13	7.675.532.134	4.966.769.914
Chi phí khác	314.368.246	175.326.232
	<hr/>	<hr/>
	7.989.900.380	5.142.096.146
	<hr/>	<hr/>

14. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động trong năm của dự phòng trợ cấp thôi việc như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	5.103.816.000	5.028.707.000
Dự phòng (hoàn nhập)/trích lập trong năm	(104.389.000)	75.109.000
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.999.427.000	5.103.816.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	80.000.000.000	176.083.000	(247.200.000)	101.998.473.488	181.927.356.488
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	40.276.850.328	40.276.850.328
Cổ tức (Thuyết minh 17)	-	-	-	(9.575.280.000)	(9.575.280.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	80.000.000.000	176.083.000	(247.200.000)	132.700.043.816	212.628.926.816
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	42.173.038.290	42.173.038.290
Cổ tức (Thuyết minh 17)	-	-	-	(9.575.280.000)	(9.575.280.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	80.000.000.000	176.083.000	(247.200.000)	165.297.802.106	245.226.685.106



Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	80.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	20.600	247.200.000
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	7.979.400	79.794.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		176.083.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

17. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 7 tháng 4 năm 2023 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 9.575 triệu VND (2022: 9.575 triệu VND).

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.582.156.920	1.325.496.096
Trong vòng hai đến năm năm	1.299.245.280	848.601.984
Sau năm năm	1.459.997.202	1.025.614.364
	4.341.399.402	3.199.712.444

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	279.633.776	5.148.924.936
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	4.634.230.789	4.609.440.877
	<hr/> 4.913.864.565	<hr/> 9.758.365.813

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2023 VND	2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng và cung cấp dịch vụ	245.031.897.835	258.880.316.732
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	16.051.560	-
Doanh thu thuần	<hr/> 245.015.846.275	<hr/> 258.880.316.732

20. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2023 VND	2022 VND
Giá vốn của hàng bán và dịch vụ cung cấp	183.809.776.108	193.940.755.188
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	68.159.862	-
	<hr/> 183.877.935.970	<hr/> 193.940.755.188

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	11.825.828.084	3.880.209.323
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	85.715.000	32.830.000
	<hr/> 11.911.543.084	<hr/> 3.913.039.323

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	11.001.601.452	9.554.712.978
Chi phí khấu hao tài sản cố định	252.338.719	252.338.719
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	174.815.273	180.497.051
Chi phí khác	4.849.068.619	5.155.386.988
	<hr/> 16.277.824.063	<hr/> 15.142.935.736

23. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	135.930.722.669	146.766.102.364
Chi phí nhân viên	41.765.260.349	37.591.174.131
Chi phí khấu hao	5.422.301.911	6.227.075.673
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.050.260.309	14.167.572.564
Chi phí khác	7.271.932.015	7.669.797.377
	<hr/> 199.439.276.253	<hr/> 206.431.722.109

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	10.701.611.470	10.037.869.221
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	301.799.728
	<hr/> 10.701.611.470	<hr/> 10.339.668.949
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(78.062.913)	193.992.352
	<hr/> 10.623.548.557	<hr/> 10.533.661.301

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023	2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	52.796.586.847	50.810.511.629
	<hr/> 10.559.317.369	<hr/> 10.162.102.326
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	64.231.188	69.759.247
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	301.799.728
Dự phòng thiếu trong những năm trước	<hr/> 10.623.548.557	<hr/> 10.533.661.301

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% trên thu nhập chịu thuế.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền đánh thuế, phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là cao hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của Ban Giám đốc về luật thuế, bao gồm các quy định về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác nhau và mức ảnh hưởng có thể là đáng kể.



Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Lãi trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được dựa trên lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm là 42.173.038.290 VND (2022: 40.276.850.328 VND) và số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm là 7.979.400 cổ phiếu (2022: 7.979.400 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2023	2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	42.173.038.290	40.276.850.328

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2023	2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm	7.979.400	7.979.400

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2023	2022
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.285	5.048

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do vậy, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<i>Công ty mẹ của công ty mẹ</i>		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Bán hàng hóa và dịch vụ	244.886.322.986	258.746.205.469
Mua hàng hóa	86.863.312	87.123.215
<i>Công ty mẹ</i>		
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage		
Cổ tức	6.304.920.000	6.304.920.000
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.536.523.232	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce		
Mua hàng hóa	55.537.392	-
Công ty Cổ phần Mobicast		
Mua dịch vụ	43.982.255	41.973.391
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa		
Bán hàng hóa	8.563.776	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution		
Mua hàng hóa	-	96.354.545
<i>Thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Thù lao	4.093.961.662	3.729.959.952

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Bao gồm trong thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt, phí, lương và thưởng đã chi trả của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

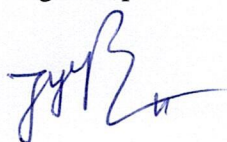
Tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Chủ tịch	-	-
Ông Đàm Sơn	Thành viên	-	-
Ông Trần Phương Bắc	Thành viên	-	-
Ông Trần Tuấn Cường	Thành viên	-	-
Ông Huỳnh Việt Thăng	Thành viên	-	-
Ông Dương Mạnh Cường (từ ngày 7 tháng 4 năm 2023)	Thành viên	180.000.000	-
Ông Nguyễn Chí Thành (đến ngày 7 tháng 4 năm 2023)	Thành viên	60.000.000	240.000.000
Ủy ban Kiểm toán			
Ông Huỳnh Việt Thăng	Chủ tịch	-	-
Ông Dương Mạnh Cường (từ ngày 7 tháng 4 năm 2023)	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Chí Thành (đến ngày 7 tháng 4 năm 2023)	Thành viên	-	-
Ban Giám đốc			
Ông Đàm Sơn	Tổng Giám đốc	1.987.298.940	2.181.767.544

27. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phùng Thị Yên
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán Trưởng



Đàm Sơn
Tổng Giám đốc

